TRỊNH THỊ THÚY NGA

Digitally signed by TRỊNH THỊ THÚY NGA
DN: c=VN, st=CMT:013105659, l=Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower,đường Lê Đức Thọ-P.Mỹ Đình 2 ,Nam Từ Liêm, Hà Nội, o=Công ty cổ phần chứng khoán ARTEX, ou=Có BH, cn=TRỊNH THỊ THÚY NGA, email=ngattt@artexsc.com.vn
Date: 2015.08.17 13:23:07 +07'00'

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tại ngày 30/06/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3.	BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	4 – 10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch
Bà Trần Thị Chung	Uỷ viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Uỷ viên
Ông Lưu Đức Quang	Uỷ viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Uỷ viên

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO CHỈ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Lưu Đức Quang
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04) 44 500 668	- Fax: (04) 44 500 669
Chi nhánh Miền nam	: C14, Quang Trung, phường 11, Q. Gò Vấp, Tp HCM	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Đồng Nai	: E180 đường Võ Thị Sáu, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	- Tel: 061 3918 767	- Fax: 061 3918 767
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, Tp Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Đông Bắc	: Số 319 đường Bà Triệu, Tp Lạng Sơn	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 114.2/2015/BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 30/06/2015

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 18 tháng 07 năm 2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 10 đính kèm.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trong yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về "Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán".

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
LƯU ANH TUẤN	**NGUYỄN TIẾN THÀNH**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1026-2014-045-1	Số: 1706-2014-045-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex
Số:
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiên an toàn tài chính" và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC" của Bộ Tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán	Bộ phận KSNB	Tổng Giám đốc
TRẦN THỊ THU HÀ	NGUYỄN THỊ THANH THANH	LƯU ĐỨC QUANG

S.G.P: 39 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	**Nguồn vốn**	**(1)**	**(2)**	**(3)**
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ (điều chỉnh giảm vốn khả dụng)	0		
4	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	539.355.743		
6	Quỹ dự phòng tài chính	539.355.742		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	33.625.145.523		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		4.224.674.606	0
1A	**Tổng**	**165.479.182.402**		
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	***Tiền và các khoản tương đương tiền***			
II	***Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5		*0*	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			
III	***Các khoản phải thu ngắn hạn***			
1	Phải thu khách hàng			
	Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*198.700.000*	
2	Trả trước cho người bán		40.510.558.600	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*0*	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*0*	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*5.465.808*	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	***Hàng tồn kho***		***0***	
V	***Tài sản ngắn hạn khác***			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		356.497.750	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*427.787.912*	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		0	
1B	**Tổng**		**41.499.010.070**	
C	**Tài sản dài hạn**			
I	***Các khoản phải thu dài hạn***			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*0*	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*0*	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		*0*	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	***Tài sản cố định***		***2.664.239.000***	
III	***Bất động sản đầu tư***		***0***	

IV	***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***			
1	Đầu tư vào công ty con		0	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		9.000.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			
V	***Tài sản dài hạn khác***		***3.122.864.907***	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	**Tổng**		**14.787.103.907**	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C	**109.193.068.425**		

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			**58.349.268.476**	-
1	Tiền	0%	266.863.813	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	58.082.404.663	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi			
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cuống phiếu			
6	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC,AFDB, EIB và EBRB	5%	-	-
7	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm.	8%	-	-
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới năm.			
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên.			
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-

8	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên.kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm , kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			**16.250.152.907**	**2.304.312.161**
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh;chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	3.755.079.400	375.507.940
9	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	12.131.169.600	1.819.675.440
10	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	423.907	84.781
11	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	363.480.000	109.044.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			**475.200**	**237.600**
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50%	475.200	237.600
VII. Chứng khoán khác				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các laọi chứngkhoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm(nếu có)				-
18	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	.....		-	-
	.....		-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				**2.304.549.761**

B. RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	
I	**Rủi ro trước thời hạn thanh toán**							
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	21.000.000.000	1.680.000.000
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II	**Rủi ro quá thời hạn thanh toán**	**Hệ số rủi ro**		**Quy mô rủi ro**			**Giá trị rủi ro**	
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-			-	
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-			-	
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-			-	
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		29.034.085.052			29.034.085.052	
III	**Rủi ro tăng thêm (nếu có)**	**Mức tăng thêm**		**Quy mô rủi ro**			**Giá trị rủi ro**	
	Chi tiết từng khoản vay, đối tác							
1	Công ty CP FLC Travel	10%		480.000.000			48.000.000	
2	Công ty cổ phần ROR Việt Nam	10%		1.200.000.000			120.000.000	
				-			-	
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								**30.882.085.052**

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	**Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng**	**20.395.304.342**
II.	***Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí***	**8.365.431.807**
	1.Chi phí khấu hao	659.438.136
	2.Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	7.455.398.889
	3.Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4.Dự phòng phải thu khó đòi	250.594.782
III.	**Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)**	**12.029.872.535**
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	3.007.468.134
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C.TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max (IV, V)		**27.000.000.000**
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		**60.186.634.813**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị RR/ vốn KD	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.304.549.761	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	30.882.085.052	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**	**60.186.634.813**	
5	**Vốn khả dụng**	**109.193.068.425**	
6	**Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)**	**181,42%**	

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2015

Phụ trách kế toán	Bộ phận KSNB	Tổng Giám đốc
TRẦN THỊ THU HÀ	NGUYỄN THỊ THANH THANH	LƯU ĐỨC QUANG